GIA LAI GẮN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH

LÊ NHỊ HÒA *

Gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn là hướng phát triển hiệu quả và bền vững mà Gia Lai hướng tới, nhằm đạt mục tiêu ổn định chính trị và nâng cao đời sống của nhân dân, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc thiểu số; phát hiện và ngăn chặn kịp thời âm mưu chống phá của các thế lực phản động.

GIA Lai là tỉnh miền núi, biên giới, có hơn 45% đồng bào dân tộc thiểu số, với 34 dân tộc anh em cùng chung sống. Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa IX) *Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010*, Đảng bộ tỉnh đã đề ra nhiều chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh; lãnh đạo đồng bào các dân tộc thực hiện định canh, định cư, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, tăng cường tinh thần cảnh giác cách mạng, đập tan mọi âm mưu thủ đoạn hòng chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai đã xây dựng Chương trình thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, nêu rõ các quan điểm chỉ đạo, đề ra mục tiêu tổng quát, các mục tiêu chủ yếu đến năm 2005 và năm 2010 trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị. Chương trình cũng xác định những nhiệm vụ cụ thể về phát triển từng ngành, từng lĩnh vực, đặc biệt chú trọng nhiệm vụ nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện; kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Vượt lên khó khăn, thách thức, nhất là những tác động nặng nề từ các vụ biểu tình, bạo loạn mang màu sắc chính trị năm 2001 và 2004, Đảng bộ và đồng bào các dân tộc tỉnh Gia Lai đã đồng tâm, nhất trí, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, chú trọng phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh:

Về phát triển kinh tế - xã hội

Tỉnh *tập trung đầu tư cho các ngành kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn*. Cơ cấu từng ngành, từng lĩnh vực được phát triển trên cơ sở nghiên cứu kỹ tình hình kinh tế - xã hội hiện tại và đặc điểm từng vùng, từ đó định ra mục tiêu phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; chú trọng ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ; kết hợp với tăng cường phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ. Tận dụng lợi thế về đất đai, tỉnh nỗ lực huy động các nguồn vốn, đến

* ThS, Khoa Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III

cuối năm 2007, toàn tỉnh có khoảng 63.000 ha cao su, 80.000 ha cà phê, 47.000 ha sắn, 55.000 ha ngô lai, 16.000 ha mía, gần 20.000 ha điều tập trung ở 2 vùng trọng điểm Krông Pa và Kông Chro. Tỉnh đã xây dựng được 8 nhà máy chế biến mủ cao su (công suất 40.000 tấn mủ cốm/năm), trên 60 cơ sở chế biến cà phê, 3 nhà máy chế biến chè (công suất 80 tấn/ngày), 2 nhà máy chế biến đường (công suất 4.000 tấn mía cây/ngày), 4 nhà máy chế biến tinh bột sắn (công suất 70.000 tấn/năm). Do Gia Lai có thế mạnh đặc thù là cây cao su, tháng 4 - 2007, Chính phủ đã đồng ý cho Tổng công ty hóa chất, Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, Tổng công ty 15 (Binh đoàn 15), Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai xây dựng Khu liên hợp sản xuất các sản phẩm từ cao su tại Gia Lai, hình thành nhà máy tinh chế hiện đại sản xuất sản phẩm sau cao su thay vì xuất khẩu thô.

Để tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế - xã hội đồng đều và rộng khắp, Gia Lai đầu tư trên 280 tỉ đồng xây dựng kết cấu hạ tầng (đường giao thông, trường học, trạm xá, nước sinh hoạt, thủy lợi, điện, chợ, khai hoang mở rộng diện tích đất sản xuất) cho 78 xã, 19 trung tâm cụm xã và 113 làng đặc biệt khó khăn; đồng thời, đầu tư gần 40 tỉ đồng cho hơn 8.000 hộ định canh định cư, đạt hơn 80% số hộ và 83% số nhân khẩu; tập trung xây dựng và nâng cấp nhiều công trình thủy lợi, kiên cố hóa kênh nội đồng, chuyển từ một vụ sang hai vụ, hạn chế được thiệt hại do hạn hán gây ra. Trước thực trạng các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, thiếu nhà ở, tỉnh cấp 413 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức với diện tích 242.915,88 ha; 286.012 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, với diện tích 256.783,4 ha; bằng 56,2% so với diện tích đất hộ gia đình cá nhân đang sử dụng (trong đó 71.645 giấy cấp cho 54.506 hộ đồng bào dân tộc thiểu số, với diện tích 57.898,64 ha).

Nhằm giải quyết việc làm cho đồng bào, nhất là bà con dân tộc thiểu số, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều cuộc làm việc với các đơn vị của Binh đoàn 15, các nông trường, lâm trường, doanh nghiệp trên địa bàn, nhằm tạo điều kiện làm việc cho lao động tại chỗ, ưu tiên cho đồng bào nhận khoán những diện tích đất tốt hoặc thuận tiện cho sản xuất. Kết quả là, các nông, lâm trường, các công ty và các đơn vị làm kinh tế của quân đội đã tích cực hỗ trợ sản xuất, cung ứng giống, vật tư, kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; giải quyết việc làm cho một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ. Điển hình là, Công ty cao su Mang Yang, Chư Sê, Chư Pah, Chư Prông (thuộc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam) có 4.143 lao động là người dân tộc thiểu số (chiếm 40,7% tổng số lao động). Các Công ty cà phê Gia Lai, Chư Pah, Ia Sao có 431 lao động là người dân tộc thiểu số. Số lao động là người dân tộc thiểu số ở Binh đoàn 15, tính đến cuối năm 2007, có gần 4.500 người. Việc tuyển dụng lao động là đồng bào các dân tộc thiểu số vào làm việc tại các công ty, các nông lâm trường không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn là biện pháp hiệu quả để giải quyết các vấn đề xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn.

Nhờ áp dụng đồng bộ các biện pháp nói trên, trong 5 năm (2002 - 2006), GDP của tỉnh bình quân tăng 12,6% /năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ; giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của từng vùng. Năm 2007, tốc độ tăng GDP đạt 13,6%; trong đó nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 6,27%; công nghiệp - xây dựng tăng 25,28%; dịch vụ tăng 16%. GDP bình quân đầu người đạt 7,76 triệu đồng/năm. Đây là năm thứ hai tỉnh đạt chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế kế hoạch đề ra và là năm đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây.

Bên cạnh đó, công tác y tế và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân luôn được chú trọng, đặc biệt là việc triển khai thực hiện Quyết định số 139 (ngày 15-10-2002) của Thủ tướng Chính phủ về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo. Các chương trình mục tiêu y tế quốc gia được triển khai kịp thời, đã tiến hành khám chữa bệnh thường xuyên cho 1.295.616 lượt người, trong đó điều trị nội trú 117.638 lượt người, ngoại trú 87.326 lượt người. Cơ sở vật chất y tế được tăng cường, đã xây mới và đưa vào hoạt động các bệnh viện đa khoa khu vực An Khê, Ayun Pa, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Mang Yang, Đak Pơ; các trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh. Đội ngũ cán bộ y tế được kiện toàn và nâng cao trình độ: toàn ngành có 2.712 cán bộ y tế, trong

đó có 455 bác sĩ (112 bác sĩ có trình độ sau đại học), bình quân có 3,9 bác sĩ/1 vạn dân; 1.740 cán bộ y tế thôn, bản, chiếm 87,9%. Tỉnh tổ chức thành công Hội nghị biểu dương các gia đình dân tộc thiểu số tiêu biểu toàn tỉnh, tổng kết 5 năm công tác gia đình và 4 năm thực hiện Pháp lệnh Dân số; duy trì mô hình câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững với 1.200 gia đình tham gia; cấp 174.150 thẻ khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi, đạt 99%.

Sự nghiệp giáo dục, đào tạo được đặc biệt quan tâm, chú ý; tập trung thực hiện các mục tiêu kiên cố hóa trường lớp, xóa lớp học ca 3 và những phòng học tranh tre, nứa lá ở vùng sâu, vùng xa. Đến cuối năm 2007, có 150 xã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, đạt 71,7%, và 27 trường đạt chuẩn quốc gia. Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh luôn có khoảng 400 học sinh theo học; 13 trường dân tộc nội trú huyện có khoảng 150 học sinh theo học ở mỗi trường. Từ những năm 80 thế kỷ XX đến nay, giáo dục tiểu học của tỉnh đã tiến hành thực nghiệm 3 loại chương trình dạy tiếng mẹ đẻ theo hình thức xen kẽ, coi là môn học bắt buộc từ lớp 3 đến lớp 5, và dạy thêm tiếng Jrai. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh còn triển khai một số chương trình dạy tiếng mẹ đẻ cho học sinh các trường dân tộc nội trú, sinh viên trường Cao đẳng sư phạm tỉnh; chương trình dạy tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và lực lượng quốc phòng, an ninh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tích cực phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin lập hồ sơ đề nghị và tổ chức Lễ đón nhận Di sản văn hóa truyền khẩu và phi vật thể "Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên" do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận. Công tác bảo tồn, sưu tầm và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được quan tâm chú ý. Đến nay, toàn tỉnh có 672 nhà rông, trong đó có 206 nhà rông văn hóa; 203 đội văn nghệ quần chúng ở cơ sở; 626 làng văn hóa, 109.408 gia đình văn hóa. Đài phát thanh truyền hình tỉnh, huyện được đầu tư, nâng cấp; đặc biệt đã tăng thời lượng phát sóng chương trình phát thanh và truyền hình bằng tiếng Jrai và Bana.

Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

Sau các vụ biểu tình, bạo loạn do các thế lực thù địch xúi giục năm 2001 và năm 2004, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định phân công 69 sở, ban, ngành, đoàn thể phụ trách 69 xã trọng điểm thuộc 11 huyện, thị xã, thành phố; tăng cường 78 cán bộ thuộc các sở, ban, ngành ở tỉnh xuống cơ sở. Bằng nhiều biện pháp như tăng cường công tác kiểm soát, phân tích xử lý các nguồn thông tin, kết hợp đấu tranh, truy bắt số cầm đầu các nhóm phản động Phun-rô, "Tin lành Đề Ga", bóc gỡ cơ sở nuôi giấu, tiếp tế cho chúng, đến nay, số làng, xã thuộc diện trọng điểm cần chú ý đã giảm từ 69 xuống 38.

Trước những diễn biến phức tạp với hàng loạt vụ, việc mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện, gây rối làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự của địa phương, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các ngành hữu quan tập trung nắm tình hình, chủ động phát hiện và xử lý ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc tồn đọng, kéo dài. Tỉnh ủy phối hợp với Quân khu V, Bộ Tư lệnh Quân đoàn III, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh lập 31 đội công tác vận động quần chúng, hỗ trợ cho cấp ủy, chính quyền xã, thị trấn triển khai công tác bảo đảm an ninh, xây dựng hệ thống chính trị, phát triển kinh tế, góp phần quan trọng trong việc lập lại sự ổn định chính trị xã hội ở địa phương. Trong các đợt cao điểm, đã có hàng ngàn lượt cán bộ, chiến sĩ hành quân dã ngoại xuống các xã phức tạp làm công tác dân vận và tổ chức truy quét lực lượng Phun-rô tại các vùng trọng điểm, xung yếu; đồng thời, quản lý, giáo dục đối tượng tại cộng đồng. Các lực lượng công an, bộ đội đã làm tốt công tác nắm tình hình, phân tích xử lý thông tin chính xác, kịp thời thực hiện sự chỉ đạo của cấp ủy, nhờ đó đã phát hiện và đấu tranh thắng lợi với các âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch; phát hiện và ngăn chặn 2.111 trường hợp đang trên đường vượt biên; tiếp nhận và đưa về địa phương quản lý, giáo dục, tổ chức tái hòa nhập cộng đồng cho 483 người dân tộc thiểu số vượt biên hồi hương.

Lực lượng công an tỉnh luôn chủ động phối hợp với các ngành, các cấp tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo thực hiện chiến lược về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Bộ đội biên phòng tỉnh tích cực xây dựng các kế hoạch, phương án phòng chống xâm nhập, vượt biên có hiệu quả, bảo vệ an ninh biên giới vững chắc; tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tiến hành việc phân giới, cắm mốc trên

tuyến biên giới tiếp giáp với tỉnh Rat-ta-ra-ki-ri (Cam-pu-chia). Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn; 99,94% các thôn, làng đều có dân quân.

Với điều kiện đặc thù của một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng luôn gắn bó chặt chẽ, đan xen, tác động trực tiếp đến đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số. Quá trình thực hiện chính sách dân tộc nói chung, phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh nói riêng ở Gia Lai đang đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm, giải quyết:

Một là, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng kinh tế chưa cao, chưa thực sự vững chắc.

Hai là, sự phân hóa giàu nghèo tiếp tục gia tăng. Theo chuẩn mới, tỷ lệ hộ nghèo còn 27,2%, trong đó đồng bào dân tộc chiếm 83,07%; vẫn còn nhiều đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất.

Ba là, việc thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo vẫn còn nhiều bất cập.

Bốn là, hiệu quả một số chương trình, dự án đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp.

Năm là, sự gắn kết giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh; giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế có lúc, có nơi chưa thực sự nhuần nhuyễn.

Sáu là, sự lãnh đạo của một số tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở còn yếu, chủ quan, mất cảnh giác, quan liêu, xa dân; chưa thấy hết những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả công tác phụ trách các xã trọng điểm ở một số nơi còn mang tính hình thức. Một bộ phận cán bộ được phân công xuống địa bàn cơ sở chưa biết tiếng dân tộc, nên chưa thực sự sâu sát tình hình. Việc phối hợp giữa cán bộ tăng cường của tỉnh, huyện với cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa chặt chẽ và hiệu quả.

Bảy là, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh hiện vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định chính trị - xã hội, do vẫn tồn tại không ít vụ tranh chấp, khiếu kiện.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo quá trình phát triển kinh tế - xã hội kết hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Gia Lai, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu:

Thứ nhất, các cấp ủy, chính quyền cần quán triệt sâu sắc quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh được nêu trong Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa IX) để đề ra chủ trương, chính sách cụ thể, phù hợp với đặc điểm và yêu cầu của địa phương, phù hợp với đặc thù về địa lý, lịch sử, văn hóa, xã hội.

Thứ hai, tập trung xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh toàn diện, đặc biệt chú ý củng cố chính quyền thôn, buôn; chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân; nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch. Cần tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục để cán bộ, đảng viên và người dân nhận thức tốt hơn nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường ý thức tự lực, tự cường, phát huy nội lực; đồng thời khắc phục tâm lý tự ti, ỷ lại, trông chờ sự trợ cấp của Nhà nước ở một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt, cần chú ý sử dụng đội ngũ tuyên truyền viên là cán bộ người các dân tộc thiểu số, người có uy tín, chức sắc tôn giáo tiến bộ để giúp đồng bào hiểu rõ và làm thất bại âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, của bọn phản động Phun-rô ngay từ khi mới manh nha ở cơ sở.

Thứ ba, quán triệt đường lối, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, cần chăm lo cải thiện đời sống, xóa đói, giảm nghèo cho đối tượng đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa; khắc phục tình trạng một số hộ đồng bào dân tộc thiểu số không có đất sản xuất. Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nhất là đoàn kết giữa đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào người Kinh; giữa người có tín ngưỡng, tôn giáo và người không theo tín ngưỡng, tôn giáo. Hiện tại toàn tỉnh có 880 già làng, đây là cầu nối hết sức quan trọng tập hợp đại đa số đồng bào dân tộc thiểu số, do đó cần chú ý phát huy vai trò, tiếng nói của họ trong việc giải quyết các công việc chung của buôn làng và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. ❑